

Số: **12329** /TTr-UBND

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điểm của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 -2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 18/6/2020;

Được sự thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 594/HĐND-VP ngày 06/11/2023 về việc cho ý kiến về Tờ trình số 11290/TTr-UBND ngày 30/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điểm của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 -2025, gồm các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025; trong đó, tại khoản 1 Điều 19 của Quyết định quy định “Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng

tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định”.

Ngày 30/6/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND).

Năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, phần lớn nội dung quy định áp dụng trong việc phân bổ vốn phù hợp với yêu cầu thực tiễn của các sở, ban, ngành và địa phương khi sử dụng nguồn lực được phân bổ theo quy định. Tuy nhiên, quá trình triển khai phát sinh một số vấn đề khi áp dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, đối tượng thụ hưởng vào phân bổ nguồn vốn Chương trình năm 2022 và năm 2023 có gặp một số khó khăn khi tổ chức thực hiện và giải ngân vốn đã phân bổ.

Để Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 triển khai thực hiện phù hợp với thực tiễn địa phương, đồng thời tháo gỡ những khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện và giải ngân nguồn vốn đạt mục tiêu kế hoạch hằng năm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nên việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điểm của Phụ lục Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐNQ là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điểm của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND được xây dựng, ban hành nhằm xác định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn; tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 phù hợp với thực tiễn triển khai Chương trình, đồng thời tháo gỡ những khó khăn qua quá trình thực tiễn thực hiện để thúc đẩy tiến độ triển khai

các hoạt động cũng như việc giải ngân nguồn vốn đạt mục tiêu kế hoạch trung hạn hằng năm của Chương trình.

2. Quan điểm

- Xây dựng Nghị quyết đảm bảo công khai, minh bạch, dựa trên nội dung, quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh có điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn, thuận lợi trong việc triển khai thực hiện Chương trình;

- Bảo đảm chất lượng xây dựng, thời hạn trình Nghị quyết theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 594/HĐND-VP ngày 06/11/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về Tờ trình số 11290/TTr-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động-Thương binh và Xã hội thực hiện quy trình xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Theo đó, dự thảo Nghị quyết đã được tổ chức lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo quy trình rút gọn thuộc đối tượng chịu sự tác động của dự thảo Nghị quyết. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định và các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến.

Trên cơ sở ý kiến góp ý, kết quả thẩm định của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo tổng hợp, tiếp thu hoàn chỉnh và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết gồm 03 điều, trong đó:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 -2025

- + Sửa đổi, bổ sung điểm 1 Phụ lục II khoản 2 Điều 3;
- + Sửa đổi, bổ sung điểm 2 phụ lục III khoản 2 Điều 3;
- + Sửa đổi điểm 1 Phụ lục IV khoản 2 Điều 3.
- Điều 2: Trách nhiệm tổ chức thực hiện.
- Điều 3: Điều khoản thi hành.

2. Một số nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị quyết

a) Sửa đổi điểm 1 Phụ lục II khoản 2 Điều 3 như sau:

“1. Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Dự án: 100% vốn sự nghiệp cho cấp huyện.”

Lý do: Theo quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND định mức phân bổ tối đa 15% cho các sở, ngành của tỉnh; tối thiểu 85% cho cấp huyện. Căn cứ vào văn bản hướng dẫn của cơ quan Trung ương (Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội) hiện nay Trung ương chỉ hướng dẫn xây dựng các mô hình giảm nghèo liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, sản xuất theo nhiệm vụ và sản xuất đặc thù (Sở Lao động- Thương binh và Xã hội là cơ quan được cấp vốn nhưng không có kinh nghiệm trực tiếp xây dựng dự án nông nghiệp, không có Văn phòng giảm nghèo, thành viên Tổ công tác làm kiêm nhiệm); bên cạnh đó, hiện nay các dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển sản xuất đa số là hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình để thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất, tăng thu nhập, tạo sinh kế trực tiếp cho hộ. Năm 2023, nguồn kinh phí cấp cho Dự án 2: 750 triệu đồng, dự kiến nếu có mức vốn cụ thể đa số các địa phương phân bổ vốn về cho cấp xã để trực tiếp xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp cộng đồng nhưng nguồn vốn nhỏ lẻ, chỉ dưới 100 triệu đồng/huyện, vì vậy số vốn khi phân về xã có hộ dân tham gia xây dựng dự án sẽ ít, rất khó để giảm nghèo bền vững.

b) Sửa đổi điểm 2 phụ lục III khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Tiểu dự án: 100% vốn cho Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh phân bổ cho các Trung tâm Y tế tuyến huyện.”

Lý do: Theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, tại điểm a, khoản 2, Phụ lục III Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Tiểu dự án: tối đa 10% cho các sở, ngành của tỉnh; tối thiểu 90% cho cấp huyện. Theo đó, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình

năm 2023 cho Sở Y tế là 100 triệu và UBND cấp huyện là 900 triệu. Với kinh phí phân bổ về cấp huyện, các địa phương giao cho Trung tâm Y tế huyện thực hiện. Tuy nhiên, Trung tâm y tế huyện là đơn vị trực thuộc Sở Y tế quản lý nên việc UBND cấp huyện giao cho Trung tâm Y tế huyện chủ trì thực hiện và thanh quyết toán là chưa phù hợp với Luật Ngân sách và hướng dẫn tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016. Vì vậy để thống nhất quản lý, chỉ đạo thực hiện, đề nghị phân bổ 100% vốn cho Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện.

c) Sửa đổi điểm 1 Phụ lục IV khoản 2 Điều 3 như sau:

“1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

“b.2. Phân bổ 40% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (thực hiện nội dung đầu tư thiết bị, phương tiện đào tạo; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình học liệu)”.

“b.3. Phân bổ 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách địa phương của Tiểu dự án cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo”.

Lý do: Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Phụ lục IV của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

“b.1. Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (thực hiện nội dung: xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo; khảo sát thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm).

b.2. Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (thực hiện nội dung đầu tư thiết bị, phương tiện đào tạo; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình học liệu).

b.3. Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách địa phương của Tiểu dự án cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.”

- Năm 2022, đề xuất không cấp kinh phí cho Tiểu dự án 1, Dự án 4, lý do: kinh phí cấp về tháng 11.2022, trong khi thời gian bố trí các lớp đào tạo sơ cấp tối thiểu 03 tháng chưa kể thời gian tuyển sinh.

- Năm 2023, phân bổ 1.920 triệu đồng thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo Kế hoạch số 3162/KH-UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Cụ thể:

+ Kinh phí phân bổ cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: 384 triệu đồng chiếm 20% tổng kinh phí để thực hiện các nội dung quy định tại Điểm b.1, Khoản 1, Phụ lục IV

+ Kinh phí phân bổ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm trường TCN Diên Khánh, Trung cấp nghề Vạn Ninh, Trung cấp Kinh tế Khánh Hòa: 768 triệu đồng chiếm 40 % tổng kinh phí để thực hiện các nội dung quy định tại Điểm b.2, Khoản 1, Phụ lục IV

+ Kinh phí phân bổ cho UBND cấp huyện: 768 triệu đồng chiếm 40 % tổng kinh phí, trong đó: UBND huyện Khánh Sơn (107 triệu đồng); UBND huyện Khánh Vĩnh (107 triệu đồng); UBND thành phố Cam Ranh (91 triệu đồng); UBND huyện Cam Lâm (93 triệu đồng); UBND thị xã Ninh Hòa (101 triệu đồng); UBND huyện Diên Khánh (83 triệu đồng); UBND thành phố Nha Trang (92 triệu đồng); UBND huyện Vạn Ninh (94 triệu đồng) để thực hiện các nội dung quy định tại Điểm b.3, Khoản 1, Phụ lục IV.

- Hiện nay, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân cấp huyện đang triển khai thực hiện các nội dung Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023. Tuy nhiên nguồn kinh phí hiện nay phân bổ cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (tối đa 20% tổng vốn sự nghiệp); một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp (tối đa 40% tổng vốn sự nghiệp); các địa phương (tối đa 40% tổng vốn sự nghiệp) là chưa phù hợp, cụ thể:

Toàn tỉnh có 11 trường Cao đẳng, Trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện đào tạo cung cấp nguồn nhân lực cho tỉnh ở trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp và đào tạo thường xuyên, các trường có cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị đào tạo còn hạn chế, do đó kinh phí phân bổ vốn tối đa là 40% là không phù hợp, đề nghị điều chỉnh “ *b.2. Phân bổ 40% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (thực hiện nội dung đầu tư thiết bị, phương tiện đào tạo; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình học liệu).*

Với mục tiêu hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp trên địa bàn huyện nghèo để nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn tỉnh đạt 85%; tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ toàn tỉnh đạt 31% do đó việc tổ chức đào tạo nghề cần được quan tâm. Hiện nay kinh phí phân bổ vốn tối đa là 40% để hỗ trợ đào tạo nghề là không phù hợp, do đó đề nghị điều chỉnh “b.3. Phân bổ 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách địa phương của Tiểu dự án cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.”.

V. THỜI GIAN THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Kỳ họp thứ 12 của Hội đồng nhân dân tỉnh tháng 12 năm 2023.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

VI. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Về nguồn lực tài chính: Nguồn ngân sách thực hiện Nghị quyết chủ yếu là nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Về nguồn nhân lực: Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điểm của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: Lao động-TBXH, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các Phòng: Kinh tế, Tổng hợp;
- Lưu: VT, TmN, NN.

36

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Văn Thiệu

Số: /2023/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 -2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA, KỲ HỌP**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 tháng 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-BDT ngày tháng năm

2023 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 -2025

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Phụ lục II như sau:

“1. Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Dự án: 100% vốn sự nghiệp cho cấp huyện.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Phụ lục III như sau:

“2. Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách địa phương của Tiêu dự án: 100% vốn cho Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh phân bổ cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh; các Trung tâm Y tế tuyến huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn	
- Mỗi một huyện nghèo	0,12
- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
2. Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	
- Dưới 15 xã	1
- Từ 15 xã trở lên	1,15
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của cấp huyện	
- Trên 27%	1,6
- Từ 18% đến 27%	1,4
- Từ 9% đến dưới 18%	1,2
- Dưới 9%	1

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách địa phương phân bổ cho huyện thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = (0,12.HN_i + 0,015.XN) \times 3 + ĐV_i$

HN_i là số huyện nghèo.

XN là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

$ĐV_i$ là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Phụ lục IV như sau:

“1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Đối với vốn đầu tư phát triển

a.1. Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương của tiểu dự án để đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

a.2. Phân bổ vốn theo danh mục Dự án đầu tư cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nhu cầu thực tế của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết theo quy định của pháp luật.

b) Đối với vốn sự nghiệp

b.1. Phân bổ 20% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (thực hiện nội dung: xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo; khảo sát thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm).

b.2. Phân bổ 40% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (thực hiện nội dung đầu tư thiết bị, phương tiện đào tạo; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình học liệu).

- Tiêu chí và hệ số phân bổ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 700 hộ	0,4
- Từ 700 hộ đến dưới 1.400 hộ	0,45
- Từ 1.400 hộ đến dưới 2.100 hộ	0,5
- Từ 2.100 hộ đến dưới 2.800 hộ	0,6
- Từ 2.800 hộ đến dưới 3.500 hộ	0,7
- Từ 3.500 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,8
- Từ 4.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
- Dưới 500 người/năm	0,5
- Từ 500 đến dưới 1.000 người/năm	0,6
- Từ 1.000 đến dưới 2.000 người/năm	0,7
- Hơn 2.000 người/năm	0,8
4. Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trình độ cao đẳng và trung cấp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
- Không tuyển sinh cao đẳng và trung cấp	0
- Dưới 150 người/năm	0,1
- Từ 150 đến dưới 350 người/năm	0,2
- Từ 350 đến dưới 700 người/năm	0,3
- Từ 700 người/năm trở lên	0,4

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương phân bổ cho từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$H_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

H_i là vốn phân bổ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i theo công thức: $X_i = TL_i + QM_i + TS_i + TSTC_i$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

$TSTC_i$ là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh trình độ cao đẳng và trung cấp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

Q là vốn bình quân cho một cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách địa phương phân bổ để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

b.3. Phân bổ 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách địa phương của Tiểu dự án cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện	
- Dưới 700 hộ	0,4
- Từ 700 hộ đến dưới 1.400 hộ	0,45
- Từ 1.400 hộ đến dưới 2.100 hộ	0,5
- Từ 2.100 hộ đến dưới 2.800 hộ	0,6
- Từ 2.800 hộ đến dưới 3.500 hộ	0,7
- Từ 3.500 hộ đến dưới 4.200 hộ	0,8
- Từ 4.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Mỗi một huyện nghèo	0,12
- Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện	
- Dưới 15 xã	1
- Từ 15 xã trở lên	1,15
5. Tiêu chí 5: Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ của cấp huyện	
- Thấp hơn tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ của toàn tỉnh	0,6
- Cao hơn hoặc bằng tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ của toàn tỉnh	0,5

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện

Vốn ngân sách địa phương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q.X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách địa phương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i được tính theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + HN_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách địa phương phân bổ cho cấp huyện thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.”

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản pháp luật khác thì áp dụng theo các nội dung được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó khi có hiệu lực thi hành.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày tháng..... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐ-TB&XH (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP ĐDBQH&HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Đài Phát thanh – Truyền hình Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, Tm.

CHỦ TỊCH

